

ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRÀO PHÚNG TRONG THƠ NÔM HỌC LẠC

Nguyễn Hữu Rạng

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: ng.rang2000@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 10/8/2022; Ngày nhận chỉnh sửa: 07/9/2022; Ngày duyệt đăng: 30/10/2022

Tóm tắt

Văn học trào phúng là một bộ phận quan trọng góp phần làm nên diện mạo văn học trung đại Việt Nam. Trong bối cảnh văn hóa suy tàn của buổi đầu giao thời với xã hội Tây - Tàu nhốn nháo cuối thế kỷ XIX, những thi phẩm trào phúng bằng chữ Nôm càng chứng tỏ được vai trò đặc dụng trong việc phản ánh hiện thực đương thời. Bằng phương pháp nghiên cứu phong cách học và phân tích cấu trúc, bài viết tiếp cận thơ Nôm trào phúng Học Lạc từ phương diện nhân vật trào phúng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhân vật trào phúng trong thơ Nôm Học Lạc bao gồm hai nhóm đối tượng chính lần lượt gắn với tiếng cười tự trào và thế trào của tác giả, cụ thể: (1) Nhân vật trào phúng là bản thân tác giả; (2) Nhân vật trào phúng là các tầng lớp trên trong xã hội, gồm: hương chức, hội tề đốt nát và bè lũ tay sai bán nước, quan lại triều đình hèn nhát, nhu nhược; một bộ phận người dân bị tiêm nhiễm thói học đòi "Tây hóa". Qua đó, bài viết góp phần làm rõ một số đặc trưng nổi bật trong phong cách nghệ thuật trào phúng của tác giả từ phương diện nhân vật đồng thời giúp độc giả yêu thơ nhận thấy được những đóng góp tích cực của Học Lạc trên thi đàn văn học dân tộc.

Từ khóa: Học Lạc, nhân vật trào phúng, phong cách nghệ thuật, thơ Nôm trào phúng.

CHARACTERISTICS OF SATIRICAL CHARACTERS IN HOC LAC'S NOM POEMS

Nguyen Huu Rang

Department of Literature, Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Email: ng.rang2000@gmail.com

Article history

Received: 10/8/2022; Received in revised form: 07/9/2022; Accepted: 30/10/2022

Abstract

Literary satire is an important part contributing to the appearance of Vietnamese medieval literature. In the late 19th century's cultural decline at the transition beginning of the tumultuous Western - Chinese society, satirical poems in Nom script proved more and more useful in reflecting contemporary reality. Using stylistic research and structural analysis, the article approaches Hoc Lac satirical Nom poetry from the perspective of satirical characters. Research results show that satirical characters in Nom Hoc Lac poetry include two main groups of subjects, respectively, associated with the author's spontaneous laughter and movement, specifically: (1) The satirical character is the author himself; (2) The satirical characters are the upper classes in society, including: ignorant civil servants and cliques of henchmen, cowardly selling mandarins; part of the people is infected with "Westernization" demand. Thereby, the article contributes to clarifying some outstanding features of the author's satirical art style from the perspective of characters and helps poetry-loving readers realize the positive contributions of Hoc Lac in the competition national literature.

Keywords: *Artistic style, Hoc Lac, Nom satirical poetry, satirical characters.*

1. Đặt vấn đề

Trước những sự thay đổi của thời cuộc buổi đầu giao thời cuối thế kỉ XIX, nền độc lập chủ quyền của dân tộc đối diện với nguy cơ bị phá vỡ dưới ách xâm lược của thực dân Pháp, văn học trung đại Việt Nam đã có bước chuyển mình đáng kể “tiến lên hướng vào quỹ đạo của văn học phản ánh cuộc sống với nhiều yếu tố dân chủ, khác hẳn với văn học thuần túy trung đại” thông qua việc “hấp thụ nhiều yếu tố hiện thực” (Đoàn Thị Thu Vân (Chủ biên), 2009, tr. 270). Trên thi đàn văn chương trung đại lúc này bắt đầu xuất hiện các nhà thơ trào phúng với lối viết chân thật và có độ khúc xạ thơ ca gần sát với hiện thực. Các sáng tác của họ đã không ngần ngại đánh thẳng vào bộ mặt xã hội giao thời lúc bấy giờ. Nếu như ở đất Bắc Hà, thông qua các nhân vật trào phúng, người đọc thường bắt gặp một phong cách nhẹ nhàng nhưng thâm trầm, đầy suy tư của Nguyễn Khuyến hay phong cách đốp chát, cay độc của Tú Xương thì ở đất Nam Bộ phải kể đến chính là phong cách trào phúng bộc trực, sâu cay của Học Lạc. Qua các sáng tác thơ Nôm trào phúng, Học Lạc đã tái hiện một mô hình thu nhỏ, chân thật, gần gũi, phản ánh đúng bộ mặt làng xã Nam Bộ vào những năm cuối thế kỉ XIX bằng hàng loạt thủ pháp nghệ thuật độc đáo. Một trong số đó là thủ pháp nghệ thuật xây dựng **nhân vật trào phúng**. Một hệ thống những nhân vật “dị hình, dị tính” đi theo sau là những vấn đề nhức nhối của xã hội Nam Bộ lúc bấy giờ được họa hình sống động trên mỗi câu thơ, mỗi tiếng chửi, mỗi lời mỉa mai... trong thơ Nôm ông. Tiếng cười với các sắc thái trào phúng đa diện trong thơ ông cũng xuất phát từ những kiểu nhân vật này.

Thế nhưng, một điều đáng tiếc rằng số lượng các công trình nghiên cứu chuyên biệt về thơ ca trào phúng của Học Lạc nói chung, từ phương diện nhân vật trào phúng nói riêng đến nay vẫn còn khá ít ỏi và còn nhiều hạn chế trong cách thức tiếp cận. Thơ ca trào phúng của ông dường như dần trôi vào quên lãng kể từ khi văn học trung đại Việt Nam kết thúc sứ mệnh lịch sử của nó sau gần mười thế kỉ tỏa sáng trên nền thi văn dân tộc. Thiết nghĩ, vấn đề tiếp cận, nghiên cứu các sáng tác thơ Nôm trào phúng Học Lạc, đặc biệt từ phương diện nhân vật - một yếu tố nghệ thuật quan trọng của dòng văn học trào phúng là thực sự cần thiết trong bối cảnh trên.

Từ góc độ phong cách nghệ thuật, bài viết này tập trung phân tích các đặc điểm của từng kiểu

nhân vật trào phúng xuất hiện trong thơ Nôm Học Lạc. Ở đây, người viết tạm chia thành hai nhóm chính: (1) Nhóm nhân vật trào phúng gắn với tiếng cười tự trào là bản thân tác giả; (2) Nhóm nhân vật trào phúng gắn với tiếng cười thể trào là các tầng lớp trên trong xã hội, gồm: hương chức, hội tề dốt nát và bè lũ tay sai bán nước, quan lại triều đình hèn nhát, nhu nhược; một bộ phận người dân bị tiêm nhiễm thói học đòi “Tây hóa”. Ở đây, cần nhấn mạnh rằng đối với các bài thơ trào phúng không nêu đích danh nhân vật, người viết một mặt sẽ căn cứ vào các giai thoại, lời kể thu được từ nhân dân sinh sống tại khu vực phường 2 và 8 thành phố Mỹ Tho (Tiền Giang) ⁽¹⁾ làm cơ sở trong việc xác định cụ thể nhân vật trào phúng trong thơ Nôm Học Lạc. Mặt khác, người viết cũng căn cứ vào những nguồn tư liệu nghiên cứu về thơ văn Học Lạc đáng tin cậy từ các nhà khoa học, tiêu biểu như: *Thơ ca trào phúng Việt Nam (1996)* của Bùi Quang Huy, *Những danh sĩ miền Nam (1990)* của Hồ Sỹ Hiệp và Hoài Anh, *Tài liệu dạy - học Ngữ văn địa phương Tiền Giang (Dùng cho các trường trung học cơ sở thuộc tỉnh Tiền Giang) (2012)* do Trần Thanh Đức chủ biên, *Học Lạc - Nhà thơ trào phúng đất Nam Bộ (2012)* của Huỳnh Mẫn Chi đăng trên báo *Văn nghệ Tiền Giang, Thơ ca hiện thực trào phúng Nam Kỳ lục tỉnh cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX (khảo sát qua thơ Phan Văn Trị, Huỳnh Mẫn Đạt, Học Lạc và Nhiều Tâm) (2018)* của Trần Thị Cẩm Ly... nhằm xác định đích danh nhân vật trào phúng trong thơ Nôm Học Lạc. Qua đó, bài viết hướng đến mục đích trọng tâm là làm rõ một số đặc trưng nổi bật trong phong cách nghệ thuật trào phúng của tác giả từ phương diện nhân vật.

2. Nội dung

2.1. Nhóm nhân vật trào phúng gắn với tiếng cười tự trào: Bản thân “bất tài, hèn kém”

Tiếng cười tự trào trong văn học trào phúng là một trong những biểu hiện đầu tiên cho thấy quá trình tự nhận thức thực tại giữa bối cảnh “ai nấy đều mê mệt” (*Ấn tiên lâu ở Mỹ Tho*) của đêm trường nô lệ vừa mới chính thức bắt đầu. Sở dĩ như vậy là bởi: “Con người chỉ thực sự biết cười khi đã trưởng thành nhưng tiếng cười buổi đầu luôn là cái cười kiêu hãnh, cười thiên hạ, còn chỉ khi đã nếm trải thất bại, nếm trải những đắng cay thực sự của cuộc đời thì người ta mới biết tự cười mình.” (Lã & Vũ (Đồng chủ biên), 2019, tr. 350). Học Lạc quả đúng là con người như

vậy! Nhân vật trào phúng trong thơ Nôm Học Lạc nhìn chung được nhà thơ thể hiện một cách đa dạng, phong phú và bao quát được nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội nông thôn Nam Bộ buổi giao thời. Một trong số đó trước hết phải kể đến là bản thân tác giả. Điều này xuất phát từ tính cách đời thực trong con người nhà thơ vốn thẳng thắn, khiêm nhường. Trong mắt người nho sinh Nguyễn Văn Lạc, chức tước, tiền tài, danh lợi chỉ là những thứ khiến con người thêm phiền lụy thậm chí đánh mất lương tâm, đạo đức. Vì vậy, khi được ban hội tề làng Mỹ Chánh⁽²⁾ sắc phong giữ chức Hương văn tham gia giúp việc trong bộ máy làng xã, con người ấy đã không ít lần “hạ bệ” bản thân thậm chí tự biến mình trở thành phường sinh chữ, một kẻ bất tài, chỉ suốt đời mua vui cho thiên hạ. Bài thơ *Tạ hương đàng* của ông là một minh chứng điển hình cho kiểu nhân vật tự trào này:

“Vành mâm xôi, đề: “Thằng Lạc”,
Nghĩ mình ti tiện không đài các.
Văn chương chẳng phải thứ mề quào,
Danh phận không ra cái cóc rác.
Bởi thế bơ thờ thẹn núi sông,
Dám đầu vức vặc ngao cô bác.
Việc này dầu có thấu lòng chăng,
Trong có ông thần, ngoài cặp hạc !”
(*Tạ hương đàng*)

Toàn bộ bài thơ được tác giả viết nên như một lời tự bạch khiêm tốn, thú thật về sự bất tài, hèn kém của bản thân trước đám quan làng. Khi đọc vào, người đọc không khỏi phì cười bởi lời thơ mộc mạc, chân chất nhưng đậm sắc thái mỉa mai, tố cáo hiện thực của ông. Tương truyền, bài thơ được ông sáng tác nhằm mục đích tạ tội trước đám hương chức, hội tề trong làng chỉ vì một hành động dị biệt, bất kính khi đề tên trên mâm xôi cúng trình làng ở đình của mình hai chữ “thằng Lạc”: “*Vành mâm xôi, đề: “Thằng Lạc”*”. Với hành động “lạ đời” này của tác giả, người đọc có thể thấy nhà thơ không bao giờ muốn đồng nhất, tự biến mình trở thành một bộ phận, một thành viên đứng chung hàng với đám hương chức, hội tề làng hay rộng hơn là với chế độ làng xã phong kiến mục ruỗng, thối nát trong xã hội Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX. Tác giả sẵn sàng hạ thấp, phỉ báng, khinh miệt bản thân nhưng mục đích sau cùng của việc làm này là nhằm phê phán, lên án bọn hương chức, hội tề của làng. Hai chữ “thằng Lạc” to tướng mà ông

đặt ngay từ câu thơ mở đầu như một cách đánh dấu riêng biệt bản thân trước bọn làng xã vênh váo, bịp bợm. Qua đây, người đọc có thể thấy rõ phong cách trào phúng bộc trực, sâu cay được Học Lạc thể hiện ở chỗ tác giả dám chỉ thẳng mặt bản thân, dám “hèn kém hóa” tài năng của chính mình chỉ như một thứ mua vui cho thiên hạ: “Nghĩ mình ti tiện không đài các / Văn chương chẳng phải thứ mề quào / Danh phận không ra cái cóc rác”.

Tiếng cười tự trào ở đây mang nhiều giá trị gợi tưởng. Thoạt nhìn bề ngoài rõ ràng tác giả làm bài thơ này nhằm vào mục đích tự chê trách tài năng bản thân nhưng tính chất sâu cay bên trong vẫn được bộc lộ một cách rõ nét. Tính chất sâu cay được thể hiện ở chỗ tác giả lấy những khuyết điểm, tật xấu của đám quan làng, tự gắn chúng vào bản thân để ngầm châm biếm, phê phán, đã kích lại chính bọn chúng - những kẻ mà ông đang phải tạ lỗi vì hành động “tự xưng” của mình. Như vậy ở đây, nhà thơ đã tạo nên một tiếng cười “lưỡng trí”. Một mặt ông muốn người đọc thấy rõ bản thân đang tự cười chính mình (tự trào) nhưng mặt khác ông lại ngầm châm biếm, cười lại một cách mỉa mai, khinh miệt bọn làng xã (thể trào). Trong mắt ông, chúng chẳng khác nào những tên hề, những thằng tuồng, con hát “trát” đầy lên mặt thứ son phấn văn chương, chữ nghĩa chỉ cốt làm trò mua vui cho dân làng.

Tính chất sâu cay trong bài thơ qua việc khắc họa nhân vật tự trào còn được Học Lạc thể hiện ở chỗ tác giả đã “nâng tầm” bọn hội tề trong làng lên đúng với bản chất bịp bợm thật sự của chúng: “Bởi thế bơ thờ thẹn núi sông / Dám đầu vức vặc ngao cô bác”. Tác giả tự xem bản thân như một tổng hòa những bất tài theo cách mà ông đang trình hiện trước mắt người đọc: “ti tiện”, “không đài các”, văn chương còn thua cả “thứ mề quào”, danh phận lại “không ra cái cóc rác” tất cả là một điều nhục nhã, một nỗi “thẹn” với làng xã, đất nước. Tuy nhiên, cái “thẹn” mà Học Lạc đề cập trong tác phẩm *Tạ hương đàng* không mang hàm nghĩa như cái “thẹn” công danh, “thẹn” vì chí tang bồng chưa tròn mà các nhà thơ trung đại giai đoạn trước từng đề cập. Cái “thẹn” của Học Lạc ở chỗ tài năng của bản thân lại không giúp ích được gì cho cảnh nước nhà loạn ly, giặc Pháp kéo quân đến giày xéo non sông, bọn làng xã vênh váo, lố bịch vậy mà giờ đây lại phải “tạ lỗi” trước chúng. Tính chất sâu cay trong phong cách của Học Lạc một lần nữa

thể hiện rõ ở chỗ hai câu thơ trên nếu đọc vào hiển nhiên khiến ai cũng phải nực cười vì cảnh tượng trào phúng “lạ đời” nhưng đằng sau tiếng cười tự trào ấy là sự chua xót, đau đớn khi nhà thơ trái lòng mình trước quần chúng giữa cảnh nước mất nhà tan: “Bởi thể bơ thờ thẹn núi sông”.

Đến với hai câu thơ cuối của bài, người đọc lại thấy rõ hơn tính chất bộc trực trong phong cách nghệ thuật của ông qua kiểu nhân vật tự trào: “Việc này dầu có thấu lòng chăng / Trong có ông thần, ngoài gặp hạc!”. Nhà thơ kết lại bài thơ bằng một lời bộc bạch, giải bày thẳng thắn trước người đọc về nỗi lòng của kẻ bất tài, hèn kém. Có thể thấy, tính cách con người ông được Học Lạc thể hiện một cách rõ nét trong sáng tác tự trào qua phương diện nhân vật. Ông nghĩ sao nói vậy, nhân vật trong thơ ông không che giấu, lấp liếm, hoa hòe kiểu cách. Ông làm thơ mà chẳng khác như đang trò chuyện, giải bày lòng mình ra trước nhân dân. Nhân vật trong dòng thơ tự trào của ông luôn gần gũi, quen thuộc với quần chúng đồng thời góp phần thể hiện rõ tính chất bộc trực, thẳng thắn trong phong cách nghệ thuật của tác giả. Điểm đặc sắc trong tiếng cười tự trào của Học Lạc so với các nhà thơ trào phúng khác cùng thời như Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Phan Văn Trị... ở chỗ chức năng lưỡng trị trong tiếng cười được thể hiện rất rõ nét và luôn gắn chặt với môi trường văn hóa nông thôn Nam Bộ. Điều này khác với mảng thơ tự trào của các nhà thơ trào phúng đất Bắc, điển hình là Tú Xương. Nếu tiếng cười tự trào trong thơ của Tú Xương luôn được ông đặt trong môi trường văn hóa thành thị ở đất Vị Xuyên (Nam Định) thì ngược lại tiếng cười tự trào trong thơ của Học Lạc lại được đặt trong môi trường văn hóa nông thôn ở đất Mỹ Chánh (Định Tường). Tú Xương cười mình, tự phơi bày mọi tật xấu của bản thân như một cách để ông tự khẳng định bản ngã độc lập của chính mình:

“Vị Xuyên có Tú Xương,

Dở dở lại ương ương:

Cao lâu thường ăn quít,

Thỏ đĩ lại chơi lường !”

(*Tự vịnh* - Tú Xương).

Còn Học Lạc cười mình như một cách để ngấm châm biếm, lên án ngược lại bọn quan làng. Nói cách khác, ông là kẻ tự nguyện lấy cái xấu, cái ngu dốt

của kẻ khác, tự gắn chúng vào mình và nhận là của mình từ đó sản sinh ra tiếng cười tự trào. Cười mình nhưng thực chất là ông đang cười vào mặt kẻ bề trên trước mặt. Sắc thái của tiếng cười trong thơ Học Lạc cũng có những điểm khác biệt so với sắc thái tiếng cười trong thơ tự trào của các nhà thơ khác, điển hình như Nguyễn Khuyến. Tiếng cười tự trào trong thơ Nguyễn Khuyến thường mang sắc thái thâm trầm, u uất và trĩu nặng tâm tình của một nho sĩ cuối mùa, thất thời lỡ vận đất Bắc Bộ:

“Mở miệng nói ra gàn bát sách,

Mềm môi chén mãi tíu cung thang.

Nghĩ mình lại ngán cho mình nhĩ,

Mà cũng bia xanh, cũng bạng vàng.”

(*Tự trào* - Nguyễn Khuyến)

Còn tiếng cười trong thơ Học Lạc lại mang sắc thái đốp chát, bộc trực thậm chí có đôi lúc gần với lời ăn tiếng nói, khẩu ngữ sinh hoạt của quần chúng. Sự khác biệt này có thể được lí giải từ nhiều nguyên nhân, chẳng hạn Nguyễn Khuyến vốn xuất thân từ chốn quan trường với “Tam nguyên” và từng giữ nhiều chức vụ cao trong triều đình. Chốn hoàng cung trang nghiêm với nhiều cung quy, phép tắc vốn đã ăn sâu vào con người ông vì vậy mà khi đọc thơ tự trào Nguyễn Khuyến, người đọc ít khi bắt gặp những câu thơ “lớn giọng” chửi rủa quyết liệt như ở thơ Học Lạc. Còn Học Lạc vốn xuất thân từ vùng nông thôn Nam Bộ, mặc dù là bậc tài cao học rộng, biết nhiều nhưng cả đời ông chưa từng bước chân đến cửa hoàng cung. Suốt đời, ông chỉ quanh quẩn với cuộc sống thanh bần và gắn bó chặt chẽ với ngôi làng của mình: “Trướng văn lăm kẻ thù rông cộp / Miếu võ nhiều tay trí bá tông / Cứng cáp thú quê vui tục cũ / Thềm dâu ruộng mía dễ cho không?” (*Thuộc Nhiều tức cảnh*). Mặt khác, tính cách thẳng thắn, bộc trực, nghĩ sao nói vậy của con người Nam Bộ cũng góp phần không nhỏ trong việc làm nên dấu ấn riêng biệt trong sắc thái tự trào ở thơ Nôm Học Lạc so với các nhà thơ khác cùng thời.

2.2. Nhóm nhân vật trào phúng gắn với tiếng cười thể trào: Các tầng lớp trên trong xã hội và một bộ phận người dân bị tiếm nhiễm thói học đòi “Tây hóa”

2.2.1. *Bọn hương chức, hội tề làng dốt nát, bất lương*

“Hương chức, hội tề” (còn gọi: quan viên hàng

xã) là chức vị dùng để chỉ những nhân vật thuộc bộ máy cai trị làng xã trong xã hội nông thôn Việt Nam thời phong kiến. Bộ máy cai trị này được mỗi làng thành lập nhằm đảm nhiệm vai trò chăm lo đời sống quần chúng nhân dân đồng thời giữ vững trật tự trị an trong phạm vi làng xã. Cơ cấu tổ chức bộ máy cai trị làng xã Việt Nam tuy có thay đổi theo từng thời kỳ lịch sử nhưng về cơ bản quan viên hàng xã thường được chia thành ba nhóm chính là: Kì mục, kì dịch (lí dịch) và kì lão. Trong đó, nhóm kì mục ở các làng xã thuộc khu vực nông thôn Nam Bộ về sau được gọi là: Hội tề, do vị Hương cả trong làng đứng đầu “có trách nhiệm bàn bạc tập thể và quyết định các công việc của xã” (Trần, 1999, tr. 95). Việc phân chia thứ bậc trong bộ máy làng xã ở nông thôn Nam Bộ thường được tổ chức chặt chẽ và rõ ràng hơn so với làng xã ở nông thôn Bắc Bộ. Nhà nghiên cứu văn hóa Vũ Ngọc Khánh (2011, tr. 24-25) cho rằng: “Thứ bậc ở hội tề rất chặt chẽ, không như ngũ hương⁽³⁾ miền Bắc. Muốn làm hương cả phải vào bậc quan lại. Muốn làm hương sự phải trải qua ít nhất là năm năm làm các chức như hương quản, hương giáo. Muốn làm hương bộ, phải qua hai năm là thân hay hương hào...”.

Trước thực trạng quân Pháp ngày càng đẩy nhanh công cuộc xâm lược và bình định nước ta, bộ máy giúp việc trong các làng xã nhất là ở khu vực Nam Bộ ngày trước đã dần tỏ rõ những suy thoái, rạn nứt. Bọn hương chức, hội tề làng tranh nhau ra sức vơ vét, bòn rút, những nhiều tiền của, sức lực dân chúng nhằm tư lợi cá nhân. Tàn độc nữa, chúng lại còn: “...ỷ vào thế lực, quyền hành để ngự trị, cưới đầu cưới cổ dân lành. Chúng ăn trên ngồi trốc, vơ vét, bóp nặn dân lành trong những mùa sưu thuế, tìm cách bao chiếm công điền, xúi giục kiện tụng để kiếm chác. Chúng cũng là những bọn giành giật ngôi thứ, tìm kiếm hư danh, tranh nhau chỗ ngồi, khâu phần ở góc chiếu đình trung. Bản thân lớp người này tự cho mình cái quyền hành hạ, đánh đập dân nghèo, và cũng tiếp tay cho quan lại phong kiến thực dân để khùng bố dân chúng.” (Vũ, 2011, tr. 31).

Bắt ngờ hơn khi những kẻ đứng đầu, giúp việc trong bộ máy cai trị làng xã hầu hết chỉ là phường dốt nát, văn tự kém cỏi nhưng bề ngoài luôn tỏ vẻ nho nhã, uyên bác. Chính sự suy thoái, rạn nứt trong bộ máy cai trị làng xã những năm cuối thế kỉ XIX cùng với đó là những đợt sóng văn minh, “đô thị hóa” đầu thế

kỉ XX mà thực dân Pháp mang theo trên những boong tàu chinh phạt xứ An Nam đã khiến cho bộ máy này không thể tiếp tục trụ vững và nhanh chóng bị phá vỡ hoàn toàn sau hàng chục thế kỷ tồn tại trong lịch sử.

Học Lạc là một trong số ít các nhà thơ Nam Bộ sớm nhận ra sự suy thoái của bộ máy làng xã phong kiến Việt Nam, bắt đầu từ những kẻ hương chức, hội tề đứng đầu, giúp việc trong đó. Vì vậy, trong thơ Nôm trào phúng của mình, tác giả luôn nhấn mạnh đến những nhân vật này với giọng điệu mỉa mai, châm biếm thậm chí có lúc lên án, đả kích dữ dội. Trong mắt người con vùng đất Định Tường, bọn hương chức, hội tề làng chẳng qua chỉ là phường dốt nát, quen thói sính chữ, “chuông” văn chương một cách lố lăng. Tiếng cười thế trào của ông khi miêu tả đặc điểm nhân vật này thường được thể hiện một cách đa dạng. Tác giả tập trung đi sâu vào bản chất nhân vật để phơi bày sự dốt nát đến nực cười của chúng. Mặc dù sống trong hoàn cảnh ngày ngày phải chịu sự cai trị áp đặt từ bọn hương chức, hội tề mà ông vô cùng căm ghét nhưng Học Lạc vẫn cứ ngang nhiên làm thơ, thỏa chí chửi mắng thậm chí nhục mạ, “hạ bệ” danh tiếng chúng một cách quyết liệt. Khi viết về kiểu nhân vật này, ông không trực tiếp chỉ ra đích xác như những nhóm nhân vật khác mà thường mượn hình ảnh loài vật thậm chí là những loài hạ đẳng như: trâu, chó, tôm, gà... gắn liền với đời sống nông thôn dân dã của nhân dân lúc bấy giờ để làm rõ bản chất nhân vật. Việc lựa chọn các hình ảnh trào phúng để xây dựng nên hình hài nhân vật trong thơ cũng giúp cho người đọc thấy được sự bất mãn, chán ghét, căm phẫn của tác giả đối với bọn chúng. Một trong số những tác phẩm viết về nhóm nhân vật này gây được ấn tượng nhất với người đọc và mang lại hiệu quả tiếng cười cao nhất cho thơ Nôm trào phúng của ông đồng thời thể hiện rõ phong cách trào phúng bộc trực, sâu cay của tác giả là bài thơ *Con trâu*:

“Mài sừng cho lăm cũng là trâu,
Ngẫm lại mà coi thật lớn đầu.
Trong bụng lam nham ba lá sách.
Ngoài cầm lém đém một chòm râu.
Mắc mưu dốt đit toi bởi chạy,
Làm lễ bôi chuông nhón nhác sầu,
Nghé ngo già đời quen ghé ngo,
Năm dây đàn gảy biết chi đâu.”

(*Con trâu*)

Trong bài thơ, tác giả đã sử dụng những đặc điểm thường thấy của loài trâu và biến chúng trở thành những đặc điểm quen thuộc của bọn hương chức, hội tề làng nhằm mỉa mai, giễu cợt và tạo nên tiếng cười trào phúng cho người đọc. Ngay từ câu thơ mở đầu, tác giả đã trực tiếp nêu lên bản chất dốt nát, thói học đòi sính chữ của bọn quan làng chẳng khác gì loài trâu già “cưa sừng làm nghé”: “Mài sừng cho lăm cũng là trâu”. Nhà thơ châm biếm, cười cợt một cách hả hê vào bản chất dốt nát, khoe mẽ, khoác lác của chúng dù cố tình che giấu, lấp liếm hay tự biến mình thành kẻ có học “mài sừng cho lăm” nhưng càng làm lại càng khiến người đọc thấy rõ bản chất lố lăng, dốt nát: “cũng là trâu”, “ngẫm lại mà coi thật lớn đầu”. Hàng loạt những đặc điểm của từng bộ phận ở loài trâu từ trong ra ngoài đều được Học Lạc sử dụng như một tấm gương soi rọi vào bản chất nhân vật trào phúng: “Trong bụng / lam nham / ba lá sách / Ngoài cầm / lém đém / một chòm râu”.

Có thể thấy, tính chất sâu cay trong phong cách trào phúng của tác giả được ông thể hiện rõ nét qua hai câu thơ này. Rõ ràng về hình thức và cách sử dụng từ ngữ trong câu thơ là miêu tả đặc điểm, cấu tạo cơ thể của loài trâu nhưng về nội hàm ý nghĩa, tác giả lại hướng ngòi bút của mình nhằm chỉ trích, phê phán, lên án bọn quan làng. Nhà thơ đã phác họa nên bản chất “dị hình, dị tính” của đám quan làng khi trong đầu chỉ biết vài ba con chữ “lam nham ba lá sách” nhưng luôn tỏ vẻ học rộng, hiểu nhiều trước mắt người khác. Không chỉ dừng lại ở việc nêu rõ bản chất trào phúng của nhân vật, tác giả còn họa nên bức chân dung “dở khóc dở cười” của chúng: “Ngoài cầm lém đém một chòm râu”. Có thể thấy, Học Lạc đã tước bỏ đi hoàn toàn những gì cao quý, uy quyền vốn có ở một bậc hương chức, hội tề làng mà ngược lại ông gắn cho chúng những đặc tính thô thiển, thông tục nhất của loài vật. Nhà thơ sử dụng hàng loạt những từ ngữ bình dân, quen thuộc trong đời sống sinh hoạt của người dân Nam Bộ, cụ thể: “cho lăm”, “ngẫm”, “lớn đầu”, “lam nham”, “lém đém”, “đốt đốt”, “nhón nhác”, “già đời” như một thủ pháp để tạo tiếng cười, đã kích bọn quan làng dốt nát. Ngoài ra, tác giả không những sử dụng lối ngôn ngữ bình dân, thông tục, nôm na mà còn mượn nguồn thi liệu từ kho tàng tục ngữ Việt Nam nhằm nêu bật bản chất dốt nát, sính chữ của bọn quan làng chẳng khác gì “đàn gậy tai trâu” (“Năm dây đàn gậy biết chi đâu”). Chính đặc tính thô thiển, thông tục khi miêu tả về kiểu nhân vật này

đã khiến người đọc phải bật ra tiếng cười tự nhiên, chân thật bởi lẽ trước mắt họ, chúng chẳng khác chi những tên hề dị hợm đang diễn trò trên một sân khấu: “Mắc mưu đốt đốt toi bởi chạy / Làm lẽ bôi chuông nhón nhác sầu”. Quan sát kỹ hai câu thơ, người đọc không khó để nhận ra Học Lạc đã sử dụng thủ pháp đối ngẫu một cách hoàn chỉnh, toàn vẹn từ mặt nội dung, ý nghĩa biểu đạt cho đến hệ thống các từ loại trong câu, cụ thể như cặp từ đối trái nghĩa “trong” >< “ngoài”, cặp danh từ chỉ bộ phận “bụng” >< “cằm”, “ba lá sách” >< “chòm râu”, các từ láy là tính từ miêu tả đặc điểm bên trong và bên ngoài của nhân vật quan làng “lam nham” >< “lém đém”. Những từ/cụm từ đối nhau chan chát, chắc nịch về ý nghĩa biểu đạt đã góp phần khắc họa bản chất thực của bọn quan làng đồng thời tạo điều kiện cho tiếng cười trào phúng với sắc thái đã kích, khinh miệt được sản sinh. Ngoài ra, việc sử dụng các điển cố như tích Điền Đan - tướng nước Tề thời Chiến Quốc dùng kế “hỏa nưg trậ” để đánh bại quân Yên (“Mắc mưu đốt đốt toi bởi chạy”) hay việc sử dụng chất liệu sáng tác từ các tục lệ dân gian Nam Bộ như lẽ bôi chuông bằng máu trâu sau khi làm chuông xong để tránh cho chuông bị rạn nứt (“Làm lẽ bôi chuông nhón nhác sầu”) cũng góp phần tạo nên nét riêng biệt và bình dân, gần gũi không dễ nhầm lẫn trong thơ Nôm trào phúng Học Lạc.

Mặt khác, nguyên lý chung khi xây dựng hình tượng các nhân vật trào phúng trong thơ Nôm Học Lạc nằm ở chỗ nhà thơ sử dụng thành công, linh hoạt thủ pháp “hạ bệ” - một thủ pháp nghệ thuật đặc dụng vốn có từ lâu đời trong nền văn học phương Tây và được *M. Bakhtin* đưa ra một khái niệm hoàn chỉnh vào thế kỉ XX⁽⁴⁾. Với việc sử dụng thủ pháp nghệ thuật này, ông đã “kéo” những gì thiêng liêng, cao cả của nhân vật xuống mức tầm thường thậm chí có phần lố lăng, thấp kém. Chính thao tác “hạ bệ” đã tạo nên hàng loạt những mâu thuẫn, nghịch lý ngay trong bản thân mỗi đối tượng từ đó sản sinh ra tiếng cười trào phúng. Nhà thơ đã vẽ nên những bức chân dung “kỳ quặc” về hình ảnh những vị quan làng, tước bỏ hoàn toàn tính chất trang nghiêm, uy quyền của chúng. Một cảnh tượng lộn xộn trong câu thơ khiến người đọc không thể không nực cười về những vị hương chức, hội tề mặc áo dài thâm, đầu đội khăn đóng chín chu và cố tỏ vẻ học thức đạo mạo. Hai câu thơ cuối trong bài thơ như một cái tát thẳng vào mặt bọn quan làng sính chữ: “Nghé ngo già đời quen ghé ngo / Năm dây đàn gậy biết chi đâu”. Tính chất bộc trực, thẳng

thần trong phong cách trào phúng của Học Lạc được nhà thơ thể hiện rất rõ qua hai câu thơ trên. Tác giả kết thúc tác phẩm bằng hình ảnh quen thuộc “đàn gậy tai trâu” khi nói về bọn quan làng. Bản chất dốt nát, sinh chữ nghĩa, “trọng” văn chương của chúng dù có che đậy, lấp liếm vẫn không thể thay đổi được thông qua thủ pháp trào phúng “hạ bệ”.

Có thể nói, những kiểu nhân vật quan làng với dáng hình “dị hợm” dường như luôn có sức thu hút ngòi bút trào phúng của ông. Thủ pháp “loài vật hóa” nhân vật trào phúng cũng trở nên đặc dụng trong phần lớn các sáng tác thơ Nôm Học Lạc. Xét dưới góc độ khách thể thẩm mỹ, nguyên lí tạo ra “cái hài” ở nhân vật trong thơ Nôm trào phúng Học Lạc vẫn tuân thủ các nguyên tắc truyền thống của mỹ học tiếp nhận: “Cái hài chính là cái xấu tìm cách che đậy, núp bóng, giả danh cái đẹp bị bất ngờ lộ mặt nạ làm cho thiên hạ ngỡ ngàng và bật lên tiếng cười” (Nguyễn, 2020, tr. 122). Thao tác “lột mặt nạ” đám quan làng được Học Lạc thể hiện rõ nét trong bài thơ *Con tôm*⁽⁵⁾:

“Chẳng phải vương công, chẳng phải hầu,
Học đòi đái kiém lại mang râu.
Khoe khoang mắt đỏ trong dòng bích,
Chẳng biết mình va cút lộn đầu.”

(*Con tôm*)

Trong mắt vị nho sinh Nguyễn Văn Lạc, đám quan làng dốt nát chẳng khác chi một loài động vật hạ đẳng, thấp hèn. Nhà thơ khắc họa trước mắt người đọc chân dung quái gở đến nực cười của chúng bằng thủ pháp “loài vật hóa” quen thuộc. Tác giả mượn hình ảnh và cấu tạo sinh học của loài tôm và được diễn tả bằng hệ thống những từ ngữ bình dân, giàu giá trị gọi tả và mang đậm sắc thái miệt vườn của nhân dân Nam Bộ nhằm nêu lên bản chất “học đòi”, “khoe khoang”, “cút lộn đầu” của đám quan làng. Vốn xuất thân từ phường dốt nát, chỉ vì có chút của cải thu được từ việc bòn rút nhân dân, đúc lốt để thăng tiến ấy vậy chúng chẳng hề biết vinh nhục, luôn tỏ vẻ học thức, đạo mạo, “làm nhái” cốt cách bậc vương hầu: “Chẳng phải vương công, chẳng phải hầu / Học đòi đái kiém lại mang râu”. Giọng thơ Học Lạc chỉ với hai câu mở đầu đã cho thấy thái độ khinh miệt, căm ghét lũ quan làng “đầu tôm”. Cái vẻ đạo mạo, uy nghiêm, học thức mà chúng cố xây dựng, đánh bóng cho bản thân chẳng khác gì những đôi càng, bộ râu

dài của loài tôm hạ đẳng. Nhà thơ đã vạch trần thói khoe khoang, khoác lác của chúng: “Khoe khoang mắt đỏ trong dòng bích”. Thói quen ấy đã ăn sâu vào máu thịt chúng và trở thành thứ bản tính khó dời. Câu thơ cuối của bài thơ là một tiếng chửi có tính chất trào phúng và được dùng rất “đắt” để nhà thơ đánh thẳng vào bản chất dốt nát của kiểu nhân vật này: “Chẳng biết mình va cút lộn đầu”. Tác giả mượn hình ảnh “cút lộn đầu” - một đặc điểm sinh học thường thấy ở loài tôm nhằm nêu lên bản chất rỗng tuếch, đàn độn của các vị quan làng mình. Bài thơ chỉ vồn vện trong bốn câu nhưng giá trị biểu đạt nội dung trào phúng của nó hết sức to lớn. Tác phẩm gần như khái quát được toàn bộ bản chất của bọn quan làng học đòi “đái kiém, mang râu” nhưng chẳng biết bản thân chỉ là phường dốt nát, khoe mẽ. Danh tiếng chỉ để người đời nhạo báng, cười cợt ra mặt. Hiệu ứng gây cười được tạo nên từ lối nói ví von, bóng gió và mang đầy hàm ý châm biếm, phê phán vào đối tượng trào phúng được nhà thơ sử dụng một cách hiệu quả đúng như lời bình của nhà nghiên cứu Bùi Quang Huy trong quyển *Thơ ca trào phúng Việt Nam (1996)*: Nhà thơ “đã nhanh nhạy phát hiện ra chất hài trong bản thân đời sống xã hội với ý muốn tổng tiền quá khứ một cách vui vẻ nên không tiếc lời mỉa mai, châm chọc và đả kích nó ở mọi nơi, mọi lúc, khi bóng gió, xa xôi, lúc thẳng thắn, lột trần.” (Bùi, 1996, tr. 13). Có thể nói, việc tác giả lựa chọn sáng tác theo lối thơ trào phúng là một trong những biểu hiện cho thấy cảm quan nhạy bén trước thời cuộc đương thời.

Không chỉ vạch trần thói dốt nát, sinh chữ của bọn hương chức, hội tề làng mà khi trào phúng về kiểu nhân vật này tác giả còn lên án, đả kích thói bất nạt, chèn ép nhân dân vô cơ của chúng. Chúng sử dụng quyền hành của tầng lớp trên không phải để bảo vệ, chăm lo, phát triển đời sống nhân dân mà ngược lại chúng xem nó như một công cụ cai trị đắc lực để bức hại, bòn rút của, những nhiều dân làng mà Học Lạc cũng từng là nạn nhân trong số đó. Ông nhiều lần bày tỏ ra mặt thái độ mỉa mai, khinh miệt trước bọn quan làng mà điển hình là qua tác phẩm *Ngôi trăng*. Bài thơ được xem như một tấn hài kịch “huê vốn” mà bọn quan làng dựng lên để trả đũa những kẻ dám chống lại chúng:

“Quá An Nam, lừ khách trú
Trăng trời làng nhàng chung một lũ
Ngoài mặt ngỡ ngàng lạ Bắc Nam

Trong tai các cố xui đoàn tụ
 Bọm làng chẳng vị sĩ năm kinh
 Ông Bồn không thương người bầy phủ
 Phạt vạ xong rồi trở lại nhà
 Quá thời hốt thuốc, lữ bông vụ”

(Ngôi trăng)

Tương truyền, bài thơ trên do Học Lạc sáng tác sau khi được bọn hương chức trong làng thả ra trong lần ông mắc nạn oan. Vì ghét ông có tính hay châm chọc, mai mỉa và có thái độ chống đối nên trong một lần tác giả cùng đám trai làng đang đứng xem trò đánh bông vụ (đánh thò lò), bọn quan làng bất ngờ đến bắt trời và áp giải tất cả về đình để phạt vạ. Chúng bắt giam ông chung với một vị lữ khách người Hoa Kiều vốn cũng bị bắt oan trong đám chơi hội. Bài thơ là một trong những minh chứng rõ nét, điển hình nhất cho phong cách nghệ thuật trào phúng Học Lạc. Người đọc không khỏi nực cười vì cảnh bắt người, giam người “ngộ đời” của đám quan làng. Khi bị quan làng bắt vạ, tác giả không hề tỏ ra bất kỳ một thái độ sợ hãi, lo âu nào mà ngược lại còn nhân dịp đó mang thơ ra để đùa cợt, giễu nhại trước mặt bọn chúng. Điều này được thể hiện rõ ngay từ dòng đề từ của bài thơ: “Nhân khi coi đánh bông vụ, bị bắt cùng người Tàu chủ sông”. Nhà thơ xem việc mình bị làng bắt vạ là dịp may ngẫu nhiên, tình cờ để được gặp gỡ, đoàn tụ với vị khách phương xa: “Ngoài mặt ngõ ngang lạ Bắc Nam / Trong tai các cố xui đoàn tụ”. Tính chất trào phúng trào trong câu thơ được bộc lộ khá rõ nét qua cách nói và nghệ thuật sử dụng từ ngữ châm biếm, mỉa mai của tác giả: “ngoài mặt ngõ ngang”, “trong tai các cố”, “xui đoàn tụ”. Ngoài ra, việc sử dụng các từ ngữ giàu sắc thái khẩu ngữ Nam Bộ như: “quá” (tôi - dùng ở ngôi thứ nhất), “lữ” (anh - dùng ở ngôi thứ hai), “lãng nhăng”, “lữ”, “các cố”, “bọm”... trong bài cũng góp phần đưa tác phẩm đến gần hơn với quần chúng thậm chí có xu hướng bị “dân gian hóa”. Thử hỏi có ai bị làng bắt vạ trong tình cảnh ấy mà còn có thể cười cợt, làm thơ bông đùa, giễu nhại như ở Học Lạc? Thử hỏi có ai đang bị giam cầm mà còn cho đây là một dịp “các cố đoàn tụ” với khách phương xa ngoài ông hay không? Chỉ có duy nhất ở Học Lạc, người đọc mới nhận thấy được cá tính ngang tàng, ngông nghênh trong hoàn cảnh ấy. Sở dĩ như vậy không phải vì nhà thơ không biết sợ, không coi ai ra gì mà ông vốn hiểu rõ bản chất của bọn quan làng: hèn nhát, ích kỷ, thù vặt. Chúng

chỉ muốn phạt vạ ông cho hả dạ đồng thời như một lời cảnh cáo trước những đòn tấn công bằng thơ văn trào phúng vào bản chất dốt nát của chúng. Cách nói của Học Lạc trong bài mang sắc thái khinh bỉ, châm biếm vào bộ mặt bọn quan làng đương thời: “Bọm làng chẳng vị sĩ năm kinh / Ông Bồn không thương người bầy phủ”.

Tính chất bộc trực, thẳng thắn được tác giả thể hiện rõ nét qua cách gọi tên bọn quan làng - cách gọi “sỗ sàng” không có gì phải kiêng nể hay e sợ: “Bọm làng”. Nhà thơ đủ sức nhận ra mưu hèn chước bẩn của đám quan làng và cách mà bọn chúng dùng nhằm “làm tình làm tội” vô cớ trước nhân dân chỉ để thỏa cơn giận cá nhân “chẳng vị sĩ năm kinh”, “không thương người bầy phủ”. Học Lạc miêu tả cuộc bắt vạ của bọn hương chức, hội tề làng chẳng khác gì một vở kịch tuồng lố lăng, kịch cỡn mà vai kép chính được giao cho không ai khác ngoài chúng: “Phạt vạ xong rồi trở lại nhà / Quá thời hốt thuốc, lữ bông vụ”. Có thể thấy, bài thơ *Ngôi trăng* của Học Lạc là sự kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn giữa hai tính chất “bộc trực” và “sâu cay” trong phong cách trào phúng của nhà thơ. Tính chất bộc trực được thể hiện ở chỗ tác giả dám gọi đích danh, chỉ thẳng mặt bọn hương chức, hội tề là lũ “bọm làng”, công khai cười cợt, chế giễu, mỉa mai, châm chọc “quan ngài” xử kiện, xem cuộc phạt vạ của làng chẳng khác một dịp may gặp gỡ, đoàn tụ với người khác. Tính chất sâu cay được tác giả thể hiện ở chỗ thông qua cuộc bắt vạ “vô cớ” chỉ vì những hiềm khích nhỏ nhen, ích kỷ của bọn quan làng, Học Lạc đã phơi bày thực trạng làng xã ở nông thôn Nam Bộ buổi đầu giao thời với thứ văn minh phương Tây “nửa mùa”. Người đọc như đang thưởng thức một vở hài kịch tra khảo dở khóc dở cười mà kết cục cuối cùng chỉ có thể thu tóm qua hai từ “huề vốn” - bắt xong lại thả, bắt người chỉ để hả hê cơn tức. Có thể thấy, bài thơ *Ngôi trăng* như một sáng tác điển hình cho việc sử dụng thủ pháp nghệ thuật “hạ bệ” ở thơ Nôm trào phúng Học Lạc. Quan làng từ chỗ là bậc uy nghiêm, nắm giữ cán cân công lý, soi xét oan tình nhân dân nhưng dưới ngòi bút trào phúng Học Lạc, chúng trở thành những kẻ “bọm”, bị coi khinh ra mặt, bị bóc trần bản chất nhỏ nhen, ti tiện. Quan trên xử án, phạt vạ không phải để giải oan cho dân mà đơn giản chỉ vì tư thù cá nhân khi bản chất dốt nát của quan bị vạch trần. Cửa quan từ chốn thâm nghiêm lại trở thành nơi để các “bọm làng” diễn tuồng trước dân.

Nhìn chung, ở nội dung trào phúng về các nhân vật là hương chức, hội tề làng, Học Lạc đã hạ thấp bản chất và vai trò của chúng, bày tỏ thẳng thừng thái độ khinh miệt, căm ghét trước thói dốt nát, sính chữ, khoác lác, bịp bợm. Mặt khác, qua việc khắc họa kiểu nhân vật trào phúng này, người đọc có thể hình dung rõ nét, chân thật về sự mục ruỗng, thói nát của xã hội nông thôn Việt Nam, cụ thể ở đất Nam Bộ trước khi nó đi vào tiến trình tan rã hoàn toàn trong lòng chủ nghĩa thực dân phương Tây. Có thể thấy, những tác phẩm viết về kiểu nhân vật hương chức, hội tề làng xã là một trong những mảng đề tài trào phúng chủ yếu trong thơ Nôm Học Lạc đồng thời phản ánh rõ nét nhất phong cách trào phúng bộc trực, sâu cay ở tác giả.

2.2.2. Bè lũ tay sai bán nước; quan lại triều đình hèn nhát, nhu nhược

Mặc dù không phải là những người nghĩa bình trực tiếp xông pha nơi trận mạc nhưng các nhà thơ Nam Bộ mà tiêu biểu là Học Lạc lúc bấy giờ đã dùng chính ngòi bút của mình để tích cực chống giặc trên mặt trận văn hoá - tư tưởng. Tinh thần ấy khiến cho “mảnh đất tận cùng phương Nam này của Tổ quốc giữa thế kỷ trước đã từng là nơi đầu sóng ngọn gió của cuộc chiến đấu” (Nguyễn, 1976, tr. 61). Bên cạnh việc xây dựng kiểu nhân vật hương chức, hội tề dốt nát với thói khoe mẽ, Học Lạc còn hướng ngòi bút trào phúng của mình vào các nhân vật là bọn tay sai, quan lại bán nước, hèn nhát chỉ biết vâng dạ, luồn cúi trước kẻ thù. Mặc dù là người là hòa nhã, luôn gần gũi, quan tâm đến đời sống nhân dân⁽⁶⁾ nhưng trong mắt Học Lạc, lũ tay sai bán nước là những nhân vật mà ông căm ghét và đã kích dữ dội trong thơ. Bằng tài năng và chất giọng trào phúng bộc trực, sâu cay, tác giả đã dùng tiếng thơ để vạch trần và lên án tội ác mà chúng gây ra, với nợ nước thù nhà mà chúng sẵn sàng chà đạp, dửng dưng quay đi để chạy theo danh lợi:

“Sống thời bắt thỏ, thỏ kêu rêu,
Thác thả dòng sông xác nổi phều.
Vần vận sắc còn phơi lẩn dẫn,
Thối tha danh hỡi, nổi lêu bêu.
Tới lui bịn rịn, bày tôm tép,
Đưa đón lao xao, lũ quạ điều.
Một trận sóng dồi cùng gió đập,
Tan tành xương thịt biết bao nhiêu !”

(*Chó chết trôi*)

Nhà thơ mượn hình ảnh loài chó thậm chí còn hạ thấp giá trị của nhân vật trào phúng xuống dưới mức văn chương khi sử dụng hình ảnh xác “chó chết trôi” để miêu tả về bè lũ tay sai bán nước⁽⁷⁾. Tính chất bộc trực trong phong cách trào phúng của ông được thể hiện ở chỗ tác giả thẳng thừng chửi mắng, bày tỏ thái độ căm ghét tột cùng của bản thân trước những gì mà bè lũ tay sai đã gây ra cho dân mình nhưng tuyệt nhiên lại không một chút e dè, lo sợ. Ông cười cợt, khinh bỉ ra mặt trước tội ác của chúng. Đối với Học Lạc, tội ác của bè lũ tay sai bán nước dù chúng có chết hoặc cố tình che đậy cũng không bao giờ gột rửa sạch cũng giống như những vết vằn vện “còn phơi lẩn dẫn” trên xác loài chó chết trôi: “Thác thả dòng sông xác nổi phều / Vần vận sắc còn phơi lẩn dẫn / Thối tha danh hỡi, nổi lêu bêu”. Tác giả sử dụng những từ láy miêu tả nhân vật như “vần vện”, “lẩn dẫn”, “lêu bêu” kết hợp đan xen với từ ngữ biểu đạt cảm xúc “thối tha” qua đó bày tỏ thái độ căm ghét, khinh bỉ ra mặt trước lũ bán nước mua danh. Hành động bán nước của chúng đi ngược lại hoàn toàn với chủ trương kháng chiến giữ đất giữ làng đến cùng của nhân dân, trái ngược với đạo lý nhân nghĩa của dân tộc và hơn hết chà đạp lên lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu bất khuất mà nhân dân Nam Bộ vẫn thường bảo nhau: “Chớ tham đồng bạc con cò / Bỏ cha bỏ mẹ đi phò Lang Sa” (Ca dao).

Ngoài ra, tính chất bộc trực, sâu cay trong bài còn được tác giả thể hiện qua hai câu: “Tới lui bịn rịn, bày tôm tép / Đưa đón lao xao, lũ quạ điều”. Có thể thấy với việc sử dụng hai câu thơ này, nhà thơ đã làm nổi bật tính chất trái ngược, đối lập về tình cảnh của bè lũ tay sai bán nước. Khi sống, chúng núp bóng, dựa hơi quân Pháp lên mặt ra oai, thị uy, gây nên bao thảm cảnh tội ác với chính đồng bào mình. Trái ngược với đó, khi chúng chết đi lại chẳng ai đoái hoài, tiếc thương. Tiếng cười thể trào trong câu thơ được tác giả thể hiện qua việc sử dụng hình ảnh những loài vật bé nhỏ, tầm thường như: tôm, tép thậm chí xấu xa, xui rủi theo quan niệm dân gian như: quạ, điều hầu khi miêu tả cái chết của bè lũ tên tay sai. Khung cảnh tiễn đưa những “xác chó chết trôi” tưởng chừng như đông đúc, nhộn nhịp: “tới lui bịn rịn”, “đưa đón lao xao” nhưng thực chất chỉ là cách nói giễu cợt, đả kích vào bọn bất lương. Ngày chúng nằm xuống không có nổi một kẻ đưa tiễn, không có lấy một giọt nước mắt khóc thương trái lại còn khắc sâu thêm lòng căm phẫn của quần chúng nhân dân trước những gì mà chúng gây

ra. Tính chất sâu cay trong tiếng cười thể trào được tác giả bộc lộ rõ nét qua điểm này.

Như trên đã nói, trong dòng thơ Nôm trào phúng Học Lạc không chỉ đơn thuần chỉ là tiếng cười hả hê mà tác giả còn lồng ghép vào đó nỗi căm phẫn khi nhắc đến những nhân vật tay sai bán nước: “Một trận sóng dồi cùng gió đập / Tan tành xương thịt biết bao nhiêu!”. Nhà thơ kết lại bài thơ bằng hai câu thơ bày tỏ trực tiếp, thẳng thắn nỗi niềm căm phẫn trước cái chết và hậu quả mà chúng phải gánh chịu. Rõ ràng có thể thấy một lần nữa, nhà thơ không hề tỏ ra bất kỳ thái độ e sợ, kiên nể trước một đối tượng nào mà ngược lại ông luôn thẳng thắn, trực tiếp bày tỏ sự căm ghét, lên án gay gắt bọn bất lương bằng những cái tát thơ văn thật đau vào mặt kẻ thù. Toàn bộ bài thơ *Chó chết trôi* là một sự kết hợp hài hòa hai tính chất bộc trực và sâu cay, đã kích. Điều này góp phần định hình nên phong cách trào phúng bộc trực, sâu cay trong sáng tác thơ văn của nhà nghệ sĩ miệt vườn Nam Bộ.

Bên cạnh việc trào phúng về kiểu nhân vật là tay sai bán nước, trong thơ Nôm Học Lạc, ông còn đề cập đến một kiểu nhân vật khác là những kẻ quan lại triều đình hèn nhát, nhu nhược. Ở kiểu nhân vật này, nhà thơ không những chỉ thẳng mặt mà còn gọi đích danh tên họ và xem chúng là một trong những đối tượng đáng chê trách, lên án trong thơ vì thói bạc nhược, hèn nhát. Tiêu biểu nhất cho kiểu nhân vật trào phúng này phải kể đến bài thơ *Có quan hùng dũng*:

“Có quan hùng dũng Nguyễn Công Nhân,
Hùng dũng nhưng mà lại nhát gan.
Giặc tới Bến Tranh run lập cập,
Tàu vô cửa Tiểu chạy bò càng.
Muru thần trước biết ngang sông chắn,
Kể dữ sau toan đóng cũi hàng.
Thất thủ muốn liều cho vẹn tiết,
Ngặt vì con vợ bận chưa an.”

(*Có quan hùng dũng*)

Trong bài, nhà thơ nêu rõ đích danh nhân vật trào phúng là viên quan Tổng đốc thành Mỹ Tho dưới triều Nguyễn lúc bấy giờ: Nguyễn Công Nhân. Ông từng là một trong những vị đại thần có công giữ gìn bờ cõi nước nhà đồng thời cũng là người đề xuất với triều đình nhà Nguyễn và chủ xướng việc đào kênh Vĩnh An Hà⁽⁸⁾ (An Giang) nhằm cung cấp nguồn nước sinh hoạt và tạo điều kiện cho việc thông thương mua bán

cho người dân nơi đây. Theo chính sử nhà Nguyễn, năm 1861, khi quân Pháp nổ súng tấn công vào thành Mỹ Tho, viên quan Tổng đốc trong thành lúc này là Nguyễn Công Nhân vì không chống đỡ nổi trước những đòn tấn công của giặc nên đã bỏ thành chạy trốn khiến thành Mỹ Tho sau đó rơi vào tay quân lang sa. Hành động này của quan Tổng đốc Nguyễn Công Nhân đã khiến nhân dân miền Nam lúc bấy giờ vô cùng oán giận, lên tiếng chê trách và bị coi là kẻ hèn nhát. Ngay từ nhan đề bài thơ và ở những câu thơ mở đầu: “Có quan hùng dũng Nguyễn Công Nhân”, Học Lạc đã thể hiện chất giọng trào phúng, châm biếm của mình. Khi tiếp cận tác phẩm, người đọc cứ ngỡ đây chắc hẳn là bài thơ ca ngợi, biểu dương công trạng một vị quan hùng dũng nhưng ngay sau đó sự mâu thuẫn nhanh chóng được tạo ra ở nhân vật khi: “Hùng dũng nhưng mà lại nhát gan”. Tác giả hướng đến bản chất thật sự của vấn đề muốn đặt ra là châm biếm, mỉa mai sự hèn nhát của vị quan trấn giữ thành. Thử hỏi có gì quan được gọi là “hùng dũng” mà nhà thơ lại ngay sau đó đưa ra hàng loạt những hình ảnh có tính chất nghịch lý, mâu thuẫn với danh xưng “hùng dũng” của nhân vật như: “nhưng mà lại nhát gan”, “run lập cập”, “chạy bò càng”? Chính thủ pháp “hạ bệ” bằng cách tạo dựng các nghịch lý, mâu thuẫn trong nội dung giữa các câu thơ khi xây dựng nhân vật đã tạo nên tiếng cười trào phúng cho người đọc. Ông phác họa trước mắt người đọc chân dung thật sự về một vị quan hèn nhát: “Hùng dũng nhưng mà lại nhát gan / Giặc tới Bến Tranh run lập cập / Tàu vô cửa Tiểu chạy bò càng”. Quan lớn “hùng dũng” giờ đây khác xa hoàn toàn với hình ảnh của bậc quyền uy thường thấy. Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật “quan hùng dũng” ở đây có phần tương đồng với cách hình dung của tác giả dân gian, đặc biệt ở thể loại ca dao:

“Ban ngày quan lớn như thần
Ban đêm quan lớn tằm mần như ma”

(Ca dao)

Mặc dù nhân vật trào phúng ở đây là một viên đại thần của triều đình nhà Nguyễn với quyền cao chức trọng nhưng không vì thế mà tác giả buộc ngòi bút mình phải gò ép, gài lại theo kiểu nhún nhường hay kiên nể mà trái lại nó càng khiến ông phải chỉ rõ hơn chân dung nhân vật. Tiếng cười mà ông tạo ra trong tác phẩm cũng vì vậy được bộc lộ một cách tự nhiên, chân thật. Mặt khác, nó góp phần cho thấy

tính chất bộc trực, thẳng thắn trong phong cách trào phúng của tác giả. Nhà thơ vạch trần bản chất hèn nhát, ích kỷ của viên quan Nguyễn Công Nhân bằng việc liệt kê liên tiếp những hình ảnh châm biếm khác nhau chẳng khác gì một thước phim quay nhanh trình hiện trước mắt người đọc: “Muru thần trước biết ngang sông chắn / Kế dữ sau toan đóng cũi hàng / Thất thủ muốn liều cho vẹn tiết / Ngặt vì con vợ bận chưa an”. Cơ chế tạo nên tiếng cười thể trào được Học Lạc thể hiện bằng cách tạo ra những cặp câu đối lập nhau về nội dung, mâu thuẫn nhau về bản chất. Một vị quan biết rõ phải dụng mưu để tấn công kẻ địch thậm chí đã dàn xếp xong trước hết: “Muru thần trước biết ngang sông chắn” nhưng đến khi ra trận, giáp mặt với quân Pháp thì chỉ một kế hàng duy nhất: “Kế dữ sau toan đóng cũi hàng”. Hay như hai câu thơ cuối khi thành Mỹ Tho thất thủ, những tướng viên quan “hùng dũng” sẽ phải liều chết đến cùng để giữ thành, giữ đất đồng thời trọn vẹn tiết nghĩa với dân, với nước nhưng quan chỉ vì sợ “con vợ bận chưa an” nên đành bỏ thành tháo chạy.

Tính chất sâu cay trong phong cách trào phúng của Học Lạc được thể hiện ở chỗ xét về hình thức, bài thơ rõ ràng nhằm lên án, phê phán thái độ hèn nhát, nhu nhược của viên đại quan Nguyễn Công Nhân nhưng xét về nội hàm, nhà thơ lại hướng ngòi bút đả kích của mình vào bộ máy quan lại phong kiến triều đình nhà Nguyễn vào nửa cuối thế kỉ XIX. Cụ thể, bài thơ nhằm đả kích, lên án thái độ hèn nhát, ích kỷ chỉ biết khur khur suy tính thiệt hơn về quyền lợi giai cấp, khur khur bảo vệ chiếc ngai vàng phong kiến vốn đã mục ruỗng, sẵn sàng hy sinh lợi ích dân tộc, cắt đất cầu hòa đến cuối cùng dâng trọn nền độc lập, chủ quyền trước quân xâm lược của triều đình nhà Nguyễn. Nỗi xót thương trước cảnh sống khổ cực của nhân dân, thái độ bất bình, phẫn uất trước sự bạc nhược, hèn yếu, bỏ mặc con dân của quan lại triều đình trong thơ Nôm trào phúng Học Lạc cũng chính là xót thương, than oán chung của quần chúng nhân dân mà trước đó không ít lần người đọc từng bắt gặp trong ca dao:

“Trông lên cửu bệ trùng trùng,
Những là gấm vóc tía hồng nguy nga.
Nhìn về đồng ruộng bao la,
Cùng đình đóng khổ phơi da mình trần.”

(Ca dao)

Thế nhưng khi đến với thơ Nôm trào phúng của Học Lạc, nỗi niềm ấy lại được chuyển tải dưới một hình thức thơ độc đáo - thơ bát cú Đường luật. Thơ bát cú Đường luật với bố cục chặt chẽ, vừa có khả năng miêu tả đối tượng cụ thể nhưng lại vừa có sức khái quát cao đồng thời ý và tình trong thơ cũng được gắn kết chặt chẽ, liền mạch. Mặt khác, với kết cấu đề - thực - luận - kết (hay: khai - thừa - chuyển - hợp), thơ bát cú Đường luật đã mở ra trước mắt người đọc chân dung bao quát về nhân vật trào phúng. Câu thơ sau cùng tuy khép lại về từ nhưng ý và tình trong bài vẫn chưa thể dứt. Người đọc vẫn cứ trăn trở, day dứt khi nghĩ về hình ảnh một quan lớn: “Ngặt vì con vợ bận chưa an” hèn nhát sẵn sàng bỏ cả đất, “chạy bò cang” để giữ mạng. Quan lớn còn như vậy thử hỏi đáng chí tôn nự trên ngai cửu ngũ còn nhu nhược, hèn nhát đến dường nào ! Có thể hiểu rằng “con vợ” mà Học Lạc đề cập trong câu thơ cuối: “Ngặt vì con vợ bận chưa an” là hình ảnh trào phúng ẩn dụ ngụ ý chỉ những quyền lợi về giai cấp mà triều đình nhà Nguyễn cứ khur khur giữ chặt. Chính thứ “con vợ” ấy đã đẩy vận mệnh dân tộc tiến gần hơn đến con đường bế tắc cuối cùng mất hoàn toàn độc lập, đẩy hàng trăm cuộc khởi nghĩa của nhân dân vào cảnh máu đổ đầu rơi, thất bại liên tiếp. Thơ bát cú Đường luật đã cho thấy khả năng hiệu quả trong việc đáp ứng nhu cầu thể hiện nội dung trào phúng.

Nhìn chung, ở nội dung tiếng cười thể trào gắn với các nhân vật là tay sai bán nước; bọn quan lại triều đình hèn nhát, nhu nhược, Học Lạc đã thể hiện rõ phong cách trào phúng bộc trực, sâu cay của mình. Viết về kiểu nhân vật này, ông không tỏ ra e dè, kính sợ hay phải kéo gùi ngòi bút của mình mà thẳng thắn gọi đích danh, tát thật đau vào mặt từng đối tượng. Tính chất sâu cay cũng được ông lưu tâm nhấn mạnh trong các sáng tác trào phúng về đối tượng này. Từ đó, người đọc bên cạnh việc bật lên tiếng cười còn thấy rõ được mô hình xã hội phong kiến mục ruỗng, thối nát ở nước ta những năm cuối thế kỉ XIX.

2.2.3. Một bộ phận người dân bị tiêm nhiễm thói học đòi “Tây hóa”

Khi thực dân Pháp bắt đầu nổ những phát súng lệnh đầu tiên tấn công vào lãnh thổ nước ta năm 1858, bên cạnh việc thực thi các chính sách đàn áp về chính trị, bóc lột về kinh tế và chia rẽ vùng miền (chính sách “chia để trị” ba miền của Pháp ở Việt Nam) làm gia tăng các mâu thuẫn xã hội, chúng còn tiến hành các

chính sách đầu độc nhân dân ta bằng những thứ văn hóa ngoại lai mà quân Pháp với luận điệu xảo trá cho là văn minh phương Tây, là công cuộc “khai hóa dân trí” người An Nam. Hậu quả, hàng trăm biển tượng từ các nền văn hóa lai căng cũng theo đó mà du nhập ồ ạt vào nước ta, phá vỡ mọi giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống của dân tộc. Trần Tế Xương - một nho sĩ phong kiến cuối mùa đã phải tức tưởi mà cất tiếng thơ trào phúng:

“...Nhà kia lỗi phép con khinh bố,
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.
Keo cú người đầu như cút sắt,
Tham lam chuyện thờ rất hơi đồng.
Bác Nam hỏi khắp người bao tỉnh,
Có đất nào như đất ấy không?”

(*Đất Vị Hoàng* - Trần Tế Xương)

Cũng từ đây, bộ mặt xã hội Việt Nam ngày càng trở nên lộn xộn, giao thoa hỗn tạp giữa hai nền văn hóa Đông - Tây. Cái cũ (văn hóa Nho học phương Đông) chưa kịp tiêu biến thì cái mới (văn hóa mới phương Tây) đã bắt đầu xuất hiện nhưng xuất hiện một cách “nửa vời”, không triệt để dẫn đến hiện tượng một bộ phận người dân tiếp thu một cách “vội vàng”, hỗn tạp từ đó nảy sinh nhiều thói hư tật, tật xấu trong xã hội đương thời.

Nhà thơ Học Lạc sống trong một thời đại như vậy! Ông tận mắt chứng kiến những cảnh trái tai gai mắt. Vì vậy, trong thơ Nôm trào phúng của mình, ông từng không ít lần phê phán, lên án những kiểu nhân vật này:

“Khiển hững no nê mùi Quảng Tống
Tiêu sàu chénh choáng rượu Lang Sa
Trái xem ai nấy đều mê mệ
Há dễ mình ta tỉnh đặng mà”

(*Ăn tiên lâu ở Mỹ Tho*)

Tác giả mượn lời thơ trào phúng để phê phán thói ăn chơi, học đòi theo cách sống Âu hóa “nửa mùa” của một bộ phận người dân trong các thanh lâu, tử điếm ở vùng đất Định Tường - một trong những đô thị lâu đời và sầm uất bậc nhất đất Nam Kỳ ngày trước⁽⁹⁾. Những thứ văn hóa độc hại mà thực dân Pháp du nhập vào nước ta nhằm mê hoặc tinh thần yêu nước của nhân dân, khiến người dân mất khả năng chiến đấu từ đó chúng dễ bề thực hiện ý định chinh phạt xứ Nam Kỳ. Một bộ phận người dân vì không nhận thức

được tác hại lâu dài của các chính sách đầu độc văn hóa mà chính quyền thuộc địa Pháp núp bóng dưới luận điệu xảo trá “khai hóa văn minh” nên lao vào chẳng khác gì loài thiêu thân cứ bắt chắp lao mình vào biển lửa. Tính chất bộc trực trong phong cách nghệ thuật của tác giả được thể hiện ở chỗ nhà thơ đã chỉ rõ, vạch trần tác hại của những thứ tiêu khiển ấy qua chính những lời thơ trào phúng của mình: “Trái xem ai nấy đều mê mệ”.

Tiếng cười trong lời thơ bên cạnh chức năng trào phúng châm biếm, phê phán còn có tác dụng giúp nhà thơ giải bày lòng mình trong nỗi chua xót, bất lực khi nhìn thấy nhân dân ngày một sa vào những thứ “thuốc phiện” chết người ấy: “Há dễ mình ta tỉnh đặng mà”. Bản thân tác giả cũng là một thầy thuốc, chuyên trị bệnh, bốc thuốc cứu chữa dân nghèo⁽¹⁰⁾ vậy mà khi đứng trước căn bệnh tinh thần tai quái của làng mình, ông đành ngậm ngùi, bất lực chỉ còn biết gửi lòng mình vào lời thơ. Nếu như những sáng tác trào phúng trước, nhà thơ vẫn luôn tỏ thái độ căm ghét, chửi mắng, la hét mạnh mẽ, quyết liệt như các bài: *Chó chết trôi, có quan hùng dũng* hay *mia mai*, *cười cợt*, *chế giễu* một cách thâm sâu như các bài *vịnh: Con trâu, com tôm, ông làng hát bội, ngòi trăng...* thì đến với bài *Ăn tiên lâu ở Mỹ Tho*, người đọc lại bắt gặp giọng thơ trầm buồn da diết, chất chứa nhiều suy tư, nỗi niềm của một người dân trước cảnh nước mất nhà tan. Có thể thấy, tiếng cười ở đây mang sắc thái chua chát. Nhà thơ cất tiếng cười trong bất lực, cười trong ngậm ngùi. Tính chất sâu cay trong phong cách trào phúng của Học Lạc cũng được thể hiện rõ ở điểm này:

“Dễ muốn ăn chơi thế vậy à
Người đời thâm thoát bóng câu qua
Tháng ngày thoi trở năm càng thúc
Tơ tóc sương bay tuổi đã già”

(*Ăn tiên lâu ở Mỹ Tho*)

3. Kết luận

Đối diện với màn đêm tăm tối, tang thương của lịch sử dân tộc nửa cuối thế kỉ XIX, các nhà thơ trung đại Việt Nam bằng tất cả tài năng và tinh thần yêu nước đã lựa chọn cho riêng mình những mảng đề tài sáng tác khác nhau. Chung quy họ đều muốn dùng chính ngòi bút và chút sức lực còn lại sau cùng để bước lên vũ đài chống thực dân trên mặt trận văn hóa - tư tưởng. Với nhà thơ miệt vườn đất Nam Bộ -

Học Lạc, ông lựa chọn dòng thơ Nôm với phong cách trào phúng bộc trực, sâu cay như một thứ vũ khí công hiệu để chiến đấu. Một trong những phương diện quan trọng góp phần làm nên bản sắc thơ văn Học Lạc đồng thời định hình phong cách nghệ thuật của tác giả là nhân vật trào phúng. Qua khảo sát các bài thơ Nôm Học Lạc, người viết nhận thấy nhân vật trào phúng trong thơ ông có thể phân thành hai nhóm chính. *Thứ nhất*, nhóm nhân vật gắn liền với tiếng cười *tự trào* là bản thân tác giả. Nhà thơ luôn tìm cách “hạ thấp” danh tiếng và khiến bản thân trở nên khác biệt đến “lạ đời” trước mắt mọi người. Ông không muốn bản thân phải đứng chung hàng với đám quan làng dốt nát hay bước vào bộ máy hành chính làng xã vốn đã mục rỗng. Tiếng cười tự trào được tạo ra ở kiểu nhân vật này một mặt tác giả tự cười cợt, châm biếm tài năng bản thân nhưng mặt khác lại vạch trần, đả kích mạnh mẽ vào bản chất dốt nát của bọn quan làng. *Thứ hai*, nhóm nhân vật gắn liền với tiếng cười *thế trào* là các tầng lớp trên và một bộ phận người dân bị tiêm nhiễm thói học đòi “Tây hóa”. Đặc điểm chung khi xây dựng các kiểu nhân vật này là đều được khúc xạ qua lăng kính hài hước, giễu nhại của tác giả từ đó bản chất dốt nát, đê hèn, bất lương của đối tượng được bộc lộ. Người đọc hình dung chúng chẳng khác chi một lũ hề “đưa thì làm tướng, đưa làm yêu” (*Tức cảnh ban chiều*) đang pha trò trên sân khấu tuồng ngoài đời. Có thể thấy, qua việc tiếp cận thơ Nôm Học Lạc từ phương diện nhân vật trào phúng, người đọc cũng đồng thời nhận ra một mô hình thu nhỏ của làng xã Nam Bộ trong buổi đầu giao thời với những cảnh tượng dở khóc dở cười. Thơ Nôm của ông tựa như một hồi chuông phát đi lời cảnh báo trước nguy cơ rạn nứt, suy vong của xã hội phong kiến Việt Nam. Mặt khác, thông qua đó, nhà thơ cũng phần nào bày tỏ nỗi niềm chua xót, đau đớn trước thực cảnh nước mất nhà tan. Bản thân ông giờ đây chỉ còn biết ngậm ngùi, tiếc thương cho một thời đại suy tàn trong vô vọng./.

Ghi chú:

- (1) Quê hương của Học Lạc trước đây.
- (2) Vào thời Pháp thuộc, làng thuộc huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (tức: khu vực phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang hiện nay).
- (3) Ngũ hương trong bộ máy làng xã ở miền Bắc nước ta thời phong kiến gồm: *Hương bộ, hương bản, hương kiểm, hương mục, hương dịch*. Mỗi vị trí sẽ đảm nhiệm một hoặc một số công việc cụ thể của làng.

- (4) Theo đó, M.Bakhtin định nghĩa: “Hạ bệ tức là kéo tất cả về đất, là giao lưu với đất, đất ở đây được hiểu như nguyên tắc thâm thấu thu hút để thụ mầm nảy sinh, tái tạo. Khi hạ bệ cái cao cả và các thần tượng là chúng ta làm một công hai việc: vừa chôn vùi vừa gieo hạt, tức là vừa cho nó chết đi để nó nảy sinh ra cái mới.” (Thụy Khuê dịch).
- (5) Cơ sở để người viết xác định rõ ràng khi sáng tác bài thơ như: *Con trâu, Con tôm*, Học Lạc nhằm mục đích châm biếm bọn quan chức hội tề cấp làng xã được dựa trên quan điểm của những nhà nghiên cứu đi trước. Cụ thể, trong bài viết này, người viết đã dựa trên quan điểm của những nhà nghiên cứu: Hồ Sỹ Hiệp và Hoài Anh trong quyển *Những danh sĩ miền Nam (1990)*, Bùi Quang Huy trong quyển *Thơ trào phúng Việt Nam (1996)*, Huỳnh Mẫn Chi trong bài viết “Học Lạc - Nhà thơ trào phúng đất Nam Bộ” (2012) được đăng trên *Báo Văn nghệ Tiền Giang online (Ngày 17/01/2012)* và Trần Thị Cẩm Ly trong công trình luận văn thạc sĩ *Thơ ca hiện thực trào phúng Nam Kỳ lục tỉnh cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX (Khảo sát qua thơ Phan Văn Trị, Huỳnh Mẫn Đạt, Học Lạc và Nhiều Tâm)* (2018).
- (6) Nhà thơ Nguyễn Liên Phong - người bạn tri kỷ cùng thời với Học Lạc, từng có bài thơ Nôm miêu tả chân dung ông. Ở đây, người viết chỉ xin trích 4/16 câu đầu trong bài thơ để làm rõ về tác giả Học Lạc: “*Thầy Học tánh vui vẻ / Hình dung xem nhỏ nhẹ / Tiếng nói sáng như chuông / Giọng ngâm ngang quá ghe*”.
- (7) Cơ sở để người viết xác định rõ ràng khi sáng tác bài thơ *Chó chết trôi*, Học Lạc nhằm mục đích châm biếm bọn tay sai bán nước dựa vào các quan điểm của những nhà nghiên cứu đi trước. Cụ thể, trong bài viết, người viết đã dựa vào quan điểm của những nhà nghiên cứu: Bùi Quang Huy trong quyển *Thơ ca trào phúng Việt Nam (1996)*, Đặng Việt Thủy trong quyển *Hỏi đáp về cuộc khởi nghĩa Trương Định (2008)* và nhóm tác giả do Trần Thanh Đức (Chủ biên) trong quyển *Tài liệu dạy - học Ngữ văn địa phương Tiền Giang (Dùng cho các trường THCS thuộc tỉnh Tiền Giang)* (2012).
- (8) Nhà nghiên cứu văn hóa Nguyễn Trung Thành (23/11/2018) cho rằng: “Theo sách Đại Nam thực lục chính biên, thì kênh Vĩnh An khởi đào từ tháng 10 năm 1843 đến tháng 4 năm 1844 thì xong. Con kênh nối từ sông Tiền (tại Tân Châu) đến sông Hậu (tại Châu Đốc) do nhân dân hai tỉnh là Vĩnh Long, An Giang cùng góp sức đào, vì lẽ đó, lúc ban đầu được mang tên Vĩnh An

- Hà. Sau này kênh còn có các tên khác là Long An Hà, Tân Châu Hà, kênh Vĩnh An, kênh Cũ”.
- ⁽⁹⁾ Trong sự nghiệp sáng tác của mình, Học Lạc từng có hai bài thơ Nôm nổi tiếng là *Mỹ Tho tức cảnh* và *Thuộc Nhiều tức cảnh* ca ngợi sự giàu có, trù phú đồng thời bày tỏ tình cảm gắn bó tha thiết với vùng đất này.
- ⁽¹⁰⁾ Nhà thơ cùng thời Nguyễn Liên Phong từng có thơ khen tài Học Lạc như sau: “*Đầu thang thuốc có danh / Bói việc, nghề hay quẻ / Thi phú giọng hơi cao / Kim tranh phi ngón lệ*”.
- Tài liệu tham khảo**
- Bùi Quang Huy. (1996). *Thơ ca trào phúng Việt Nam*. Đồng Nai: NXB Đồng Nai.
- Đỗ, Đ. H., Nguyễn, H. C., Phùng, V. T., & Trần, H. T. (Đồng chủ biên). (1984). *Từ điển thuật ngữ văn học (Bộ mới)*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Đoàn, T. T. V. (Chủ biên). (2009). *Văn học trung đại Việt Nam (Thế kỉ X - cuối thế kỉ XIX)*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Giáo dục.
- Hồ, S. H., & Hoài, A. (1990). *Những danh sĩ miền Nam*. Tiền Giang: NXB Tổng hợp.
- Khrapchenko, M. B. (1978). *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học (Lê Sơn, Nguyễn Minh dịch)*. Hà Nội: NXB Tác phẩm mới.
- Lã, N. T., & Vũ, T. (Đồng chủ biên) (2019). *Giáo trình: Văn học trung đại Việt Nam (Tập 2)*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, C. N. (2020). *Mỹ học đại cương*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, Đ. M. (2002). *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn, K. S. (2004). *Phong cách thời đại nhìn từ một thể loại văn học*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Nguyễn, L. (1976). *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
- Nguyễn, T. T. (Ngày 23 tháng 11 năm 2018). “Hùng Dũng Tướng” - Nguyễn Công Nhân - Kỳ 3: Đào kênh Vĩnh An. *Khoa học & Đời sống*. Truy cập từ <https://khoahocdoisong.vn/hung-dung-tuong-nguyen-cong-nhan-ky-3-dao-kenh-vinh-an-116259.html>.
- Son, N. (2017). *Đồng bằng sông Cửu Long - Nét sinh hoạt xưa & Văn minh miệt vườn*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
- Trần, Đ. S. (2019). *Tư tưởng và phong cách nhà văn: Những vấn đề lý luận và thực tiễn (Chuyên khảo)*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Trần, N. T. (1999). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Giáo dục.
- Trần, T. Đ. (Chủ biên). (2012). *Tài liệu dạy - học Ngữ văn địa phương Tiền Giang (Dùng cho các trường THPT thuộc tỉnh Tiền Giang)*. Cần Thơ: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Trần, T. C. L. (2018). *Thơ ca hiện thực trào phúng Nam Kỳ lục tỉnh cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX (khảo sát qua thơ Phan Văn Trị, Huỳnh Mãn Đạt, Học Lạc và Nhiều Tâm)*. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Thụy, K. (2018). “Bakhtin và xã hội học văn chương (Chương 8)”. Trong: Thụy Khuê. (2018). *Phê bình văn học thế kỉ XX*. Truy cập từ <http://thuykhuê.free.fr/PBVH/Chuong08-Bakhtin.html>.
- Vũ, N. K. (2011). *Văn hóa làng ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin.